



BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 104 /2026/TT-BQP

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2026

CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ	
Giờ: 5	DÉN
Ngày: 24/7/2026	

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 111/2021/TT-BQP ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Quốc phòng

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 111/2021/TT-BQP ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Quốc phòng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8

“2. Báo cáo định kỳ

a) Báo cáo năm

Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, Ban Cơ yếu Chính phủ, Thanh tra Bộ Quốc phòng, Tòa án quân sự trung ương, Viện kiểm sát quân sự trung ương, Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng gửi báo cáo của ngành mình về Bộ Quốc phòng trước ngày 20 tháng 12 của năm báo cáo;

b) Nội dung, hình thức báo cáo định kỳ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2025/TT-BTP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

c) Cục Pháp chế Bộ Quốc phòng tổng hợp, xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng báo cáo của Bộ Quốc phòng gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và Thông tư số 01/2023/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2025/TT-BTP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 5 Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Kế hoạch, nội dung, hoạt động và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Tổ chức pháp chế (Cục, Phòng, ban, trợ lý pháp chế), nơi không có tổ chức pháp chế thì tổ chức, cá nhân được giao đảm nhiệm công tác pháp chế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất, giúp chỉ huy cấp mình theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính ở cấp mình và cơ quan, đơn vị thuộc quyền”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 10

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Kiểm tra trực tiếp: Thành lập Đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, xử lý vi phạm hành chính”;

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Cơ quan, đơn vị tự kiểm tra”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Nguyên tắc, cách thức kiểm tra; quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra và cơ quan, đơn vị được kiểm tra; xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm

tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP và quy định của Bộ Quốc phòng”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 11

“a) Báo cáo trung tâm về kết quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong kỳ kiểm tra. Nội dung, hình thức báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 19/2025/TT-BTP;”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 16

“Điều 16. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP như sau:

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản các trường hợp sau:

a) Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản quy định tại điểm b khoản 2 Điều 108 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc Bộ Quốc phòng quyết định tịch thu được xử lý theo phương án giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng quản lý, sử dụng;

b) Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ, Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án quân sự trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương, Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, Trưởng đoàn Thanh tra Bộ Quốc phòng quyết định tịch thu.

2. Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Thủ trưởng Tổng cục Chính trị, Tư lệnh Quân khu, Tư lệnh Quân chủng Hải quân, Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Tư lệnh Bộ đội Biên phòng quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Bộ đội biên phòng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam quyết định phê duyệt phương án xử lý

đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật, Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do Chánh Thanh tra cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, Trưởng đoàn thanh tra, thanh tra viên cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

6. Chánh án Tòa án quân sự trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương, Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng, Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc cơ quan, đơn vị cấp mình quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc cơ quan, đơn vị thuộc quyền tịch thu, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

8. Việc xác định, quản lý và xử lý tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2025/TT-BTC và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 17

“Điều 17. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

1. Trình tự, thủ tục lập và trình phương án phê duyệt xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Cục Tài chính Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp Cục Pháp chế Bộ Quốc phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan lập phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

3. Cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý và cơ quan, đơn vị có phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu tổ chức thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Điều 7. Thay thế một số từ, cụm từ của Thông tư số 111/2021/TT-BQP ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Quốc phòng

1. Thay thế từ “Vụ trưởng” bằng từ “Cục trưởng” tại điểm c khoản 4 Điều 10. Từ “Vụ Pháp chế” bằng từ “Cục Pháp chế” tại khoản 3 Điều 6; khoản 4 Điều 9; điểm c khoản 4 Điều 10; khoản 3 Điều 14; khoản 1 Điều 15; khoản 1, khoản 2 Điều 18; tiêu đề Điều 20; khoản 2, khoản 3 Điều 24.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh” bằng cụm từ “Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng” tại điểm a khoản 5 Điều 11.

Điều 8. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 8 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

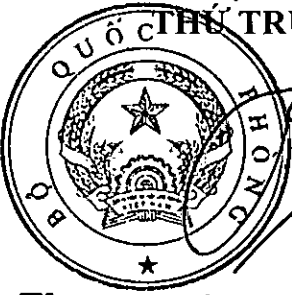
1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục Pháp chế Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn thực hiện Thông tư này. *al*

Nơi nhận:

- Các Thủ trưởng BQP, CNTCCT;
- Các đầu mối trực thuộc BQP;
- Ban cơ yếu Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL/Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử BQP (để đăng tải);
- Cục Pháp chế BQP;
- Lưu: VT, NCTH. *thuy 86.*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu